

Bản án số: **16/2022/HNGĐ- ST**

Ngày: 28/12/2022

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ B, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Tố Loan.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lù Văn Lả.**

Ông **Quàng Văn Minh.**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lò Thị Hòa**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐB, tỉnh Điện Biên;

Ngày 28 tháng 12 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐB, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2022/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2022 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST- HNGĐ, ngày 14 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Vì Thị P**; Sinh năm: 1994.

Địa chỉ: Bản PMT, xã TC, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên Biên (có mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Anh **Lò Văn H**; Sinh năm: 1991.

HKTT: Bản PMT, xã TC, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên Biên. Hiện đang chấp hành án tại: Trại tạm giam số 1 Công an thành phố Hà Nội. (Địa chỉ: Ngõ 702, Đường Phúc Diễn, phường XP, quận NTL, thành phố Hà Nội), vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/11/2022 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Vì Thị P trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Vì Thị P và anh Lò Văn H có đăng ký kết hôn tại UBND xã TC, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên vào ngày 09/10/2014, kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Trong thời gian đầu cuộc sống của vợ chồng có hạnh phúc sau đó thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chính là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có

tiếng nói chung, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai, mâu thuẫn càng ngày càng đến đỉnh điểm. Đến năm 2020 anh H bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử với án Tử hình về tội ma túy. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ các mâu thuẫn trên chị P làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lò Văn H.

- Về con chung: Chị Vì Thị P và anh Lò Văn H có 01 con chung là cháu Lò Trọng Hiếu; sinh ngày 20/8/2015. Quan điểm của chị P sau khi ly hôn sẽ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên hoặc khi có thay đổi khác. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Chị P khai không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện ĐB, tỉnh Điện Biên đã gửi thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo các nội dung và yêu cầu cụ thể của chị P cho anh Lò Văn H biết để anh H thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

Tại bản tự khai đề ngày 05/12/2022 và trong đơn xin vắng mặt bị đơn anh Lò Văn H trình bày:

- Về hôn nhân: Anh H và chị P có đăng ký kết hôn tại UBND xã TC, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên vào ngày 09/10/2014, kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Trong thời gian đầu cuộc sống của vợ chồng có hạnh phúc sau đó thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chính là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai, mâu thuẫn càng ngày càng đến đỉnh điểm. Đến năm 2020 anh H bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử với án Tử hình về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị P làm đơn xin ly hôn. Quan điểm của anh H đồng ý ly hôn với chị P.

- Về con chung: Anh H và chị P có 01 con chung là cháu Lò Trọng Hiếu; sinh ngày 20/8/2015. Quan điểm của anh H sau khi ly hôn con chung sẽ do chị P là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên hoặc khi có thay đổi khác. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Anh H khai không có.

Hiện anh H đang chấp hành án trong Trại tạm giam nên anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện ĐB, tỉnh Điện Biên xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Vì Thị P vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án nhân dân huyện ĐB, tỉnh Điện Biên giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lò

Văn H và giải quyết quan hệ con chung theo nội dung đơn xin ly hôn chị P đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Vì Thị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lò Văn H. Đây là vụ án về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Anh H hiện nay đang chấp hành án tại Trại tạm giam số 1 Công an thành phố Hà Nội, trước khi bị bắt anh H có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại Bản PMT, xã TC, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện ĐB, tỉnh Điện Biên.

Bị đơn đang chấp hành án trong trại tạm giam nên quá trình giải quyết Tòa án nhân dân huyện ĐB, tỉnh Điện Biên không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Khoản 2 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về hôn nhân: Chị Vì Thị P và anh Lò Văn H kết hôn vào ngày 09/10/2014 tại UBND xã TC, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên, Anh chị kết hôn với nhau là tự nguyện, không bị ai ép buộc và tuân thủ đầy đủ các qui định của pháp luật về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn theo qui định tại Điều 8; Điều 9 Luật hôn nhân gia đình nên quan hệ giữa chị P và anh H là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Năm 2020 anh H bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử với án Tử hình về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, hiện nay đang chấp hành án tại Trại tạm giam số 1 Công an thành phố Hà Nội.

Tại bản tự khai ngày 05/12/2022 anh H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc và bản thân lại đang chấp hành án tại Trại tạm giam số 1 Công an thành phố Hà Nội, không có điều kiện chăm sóc gia đình, anh H không làm tròn trách nhiệm của người chồng dẫn đến tình trạng hôn nhân giữa chị P và anh H lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào qui định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị P.

[2.2] Xét về con chung: Chị P và anh H có 01 con chung là cháu Lò Trọng Hiếu; sinh ngày 20/8/2015. Chị P có nguyện vọng sau khi ly hôn sẽ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hiếu cho đến tuổi thành niên hoặc khi có thay đổi khác.

Hội đồng xét xử xét thấy hiện tại anh H đang chấp hành án tại Trại tạm giam số 1 Công an thành phố Hà Nội, anh H không thể đủ điều kiện nuôi dưỡng cháu Lò Trọng Hiếu. Để đảm bảo quyền lợi cho cháu Hiếu và đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của trẻ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị P, giao con chung là cháu Lò Trọng Hiếu cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Hiện tại anh H đang chấp hành án không có khả năng cấp dưỡng nên HĐXX chấp nhận việc chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[2.3] Về quan hệ tài sản: Tài sản riêng, Tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không có.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0005089 ngày 22/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐB, tỉnh Điện Biên; Chị P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81 Điều 82, Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa Chị Vì Thị P với anh Lò Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Lò Trọng Hiếu; sinh ngày 20/8/2015 cho chị Vì Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Hiếu đủ tuổi thành niên hoặc khi có thay đổi khác. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về chia tài sản chung; Tài sản riêng; Tài sản chung; Nợ phải trả; Nợ lấy về; diện tích ruộng: Không có.

4. Về án phí: Chị Vì Thị P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0005089 ngày 22/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐB, tỉnh Điện Biên; Chị P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Vì Thị P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Lò Văn H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND HDB;
- Các đương sự;
- UBND xã TC, HDB, tỉnh ĐB;
- Chi cục THADS HDB;
- Lưu VP;
- Tòa án tỉnh ĐB;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Tố Loan